

PHỤ LỤC 01
Kết quả nhập dữ liệu sổ hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn (tính đến ngày/...../2023)

Biểu mẫu: 01 (báo cáo, thống kê tình hình, kết quả nhập dữ liệu hộ tịch)

SỐ TT	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ SỔ HOÁ DỮ LIỆU HỘ TỊCH																			
		Đăng ký sinh				Đăng ký kết hôn				Đăng ký khai tử				Đăng ký con nuôi				Tổng			
		Tổng số	Số liệu nhập trong ngày	Tổng đã nhập	Còn lại	Tổng số	Số liệu nhập trong ngày	Tổng đã nhập	Còn lại	Tổng số	Số liệu nhập trong ngày	Tổng đã nhập	Còn lại	Tổng số	Số liệu nhập trong ngày	Tổng đã nhập	Còn lại	Tổng số	Số liệu nhập trong ngày	Tổng đã nhập	Còn lại
1	Phường Hưng Long	10,003	0	0	10,003	3,933	0	0	3,933	1,625	0	0	1,625	1	0	0	1	15,562	0	0	15,562
2	Phường Minh Hưng	7,667	0	0	7,667	3,113	0	0	3,113	1,074	0	0	1,074	3	0	0	3	11,857	0	0	11,857
3	Phường Minh Lập	8,065	0	0	8,065	1,796	0	0	1,796	666	0	0	666	1	0	0	1	10,528	0	0	10,528
4	Phường Minh Long	5,565	0	0	5,565	1,678	0	0	1,678	643	0	0	643	0	0	0	0	7,886	0	0	7,886
5	Phường Minh Thành	5,511	0	0	5,511	1,483	0	0	1,483	746	0	0	746	3	0	0	3	7,743	0	0	7,743
6	Xã Nha Bích	3,727	0	0	3,727	1,391	0	0	1,391	467	0	0	467	0	0	0	0	5,585	0	0	5,585
7	Phường Thành Tâm	3,911	0	0	3,911	1,091	0	0	1,091	441	0	0	441	0	0	0	0	5,443	0	0	5,443
8	Xã Minh Thắng	3,836	0	0	3,836	1,071	0	0	1,071	348	0	0	348	2	0	0	2	5,257	0	0	5,257
9	Xã Quang Minh	1,086	0	0	1,086	308	0	0	308	292	0	0	292	0	0	0	0	1,686	0	0	1,686
TỔNG		49,371	0	0	49,371	15,864	0	0	15,864	6,302	0	0	6,302	10	0	0	10	71,547	0	0	71,547



PHỤ LỤC 02

Chỉ tiêu, thời gian hoàn thành công tác nhập dữ liệu Hộ tịch (cấp xã) cần số hoá trên địa bàn thị xã theo từng đơn vị

SỐ TT	ĐƠN VỊ	SỐ HOÁ DỮ LIỆU HỘ TỊCH								TỔNG		Dự kiến máy tính phục vụ nhập dữ liệu hộ tịch	Số lượng nhập/ngày (Chỉ tiêu nhập 300 trường hợp/máy/ngày)	Tổng thời gian hoàn thành (ngày)	GHI CHÚ
		Đăng ký khai sinh		Đăng ký kết hôn		Đăng ký khai tử		Đăng ký con nuôi							
		Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp				
1	Phường Hưng Long	58	10,003	28	3,933	19	1,625	1	1	106	15,562	1	300	52	
2	Phường Minh Hưng	43	7,667	21	3,113	19	1,074	2	3	85	11,857	1	300	40	
3	Xã Minh Lập	58	8,065	37	1,796	17	666	1	1	113	10,528	1	300	35	
4	Phường Minh Long	33	5,565	33	1,678	33	643	0	0	99	7,886	1	300	26	
5	Phường Minh Thành	45	5,511	45	1,483	45	746	7	3	142	7,743	1	300	26	
6	Xã Nha Bích	24	3,727	15	1,391	11	467	0	0	50	5,585	1	300	19	
7	Phường Thành Tâm	24	3,911	14	1,091	15	441	0	0	53	5,443	1	300	18	
8	Xã Minh Thắng	35	3,836	23	1,071	18	348	1	2	77	5,257	1	300	18	
9	Xã Quang Minh	11	1,086	11	308	11	292	0	0	33	1,686	1	300	6	
TỔNG		331	49,371	227	15,864	188	6,302	12	10	758	71,547	9	2,700		



PHỤ LỤC 03

Chỉ tiêu, thời gian hoàn thành công tác nhập dữ liệu Hộ tịch (cấp huyện) cần số hoá trên địa bàn thị xã Chơn Thành

SỐ TT	ĐƠN VỊ	SỐ HOÁ DỮ LIỆU HỘ TỊCH								TỔNG		Dự kiến máy tính phục vụ nhập dữ liệu hộ tịch	Số lượng nhập/ngày (Chỉ tiêu nhập 300 trường hợp/máy/ngày)	Tổng thời gian hoàn thành (ngày)	GHI CHÚ
		Đăng ký khai sinh		Đăng ký kết hôn		Đăng ký khai tử		Đăng ký con nuôi							
		Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp				
1	Thị xã Chơn Thành	1	21	1	48	1	6	-	-	3	75	1	300	1	
TỔNG		1	21	1	48	1	6	-	-	3	75	1	300		

